



gé yán
格言

noun · maxim; proverb; motto

Example Sentences

zhè jù gé yán hěn yǒu dào lǐ
这句格言很有道理。

This maxim is very reasonable.

tā xǐ huān shōu jí gǔ dài gé yán
他喜欢收集古代格言。

He likes to collect ancient maxims.

"qiān lǐ zhī xíng shǐ yú zú xià" shì yī jù zhù míng de gé yán
“千里之行，始于足下”是一句著名的格言。

'A journey of a thousand miles begins with a single step' is a famous maxim.

Trace each character, then write the word on your own.

格	格	格	格	格	格	格	格	格	格	格
格	格									
言	言	言	言	言	言	言	言	言	言	言